

# Triển vọng kinh tế 2Q2026

## Chờ “Thiên Thời”

Trần Đức Anh  
Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường  
(+84) 24-7303-5333 [anhhd@kbsec.com.vn](mailto:anhhd@kbsec.com.vn)

Nguyễn Thị Trang  
Chuyên viên vĩ mô  
(+84) 24-7303-5333 [trangnt6@kbsec.com.vn](mailto:trangnt6@kbsec.com.vn)

Vũ Diệu Hà  
Chuyên viên vĩ mô  
(+84) 24-7303-5333 [havd2@kbsec.com.vn](mailto:havd2@kbsec.com.vn)

Một số dự báo chính của KBSV về kinh tế Việt Nam trong năm 2026:

- 1) **Chúng tôi hạ dự báo tăng trưởng GDP năm 2026 xuống 7.5–8.0%** trong bối cảnh áp lực lạm phát gia tăng từ đà tăng của giá dầu, qua đó phần nào thu hẹp dư địa nới lỏng cung tiền. Tuy vậy, tác động tiêu cực được kỳ vọng sẽ phần nào được bù đắp nhờ đẩy mạnh đầu tư công. Bên cạnh đó, triển vọng tích cực hơn của xuất khẩu và dòng vốn FDI cũng sẽ góp phần tạo thêm dư địa tăng trưởng bù đắp một phần áp lực từ câu chuyện giá dầu tăng.
- 2) **Chúng tôi dự báo lạm phát bình quân năm 2026 của Việt Nam ở mức 4.8%** - cao hơn mục tiêu kiểm soát lạm phát của Chính phủ (4.5%). Dù vậy, mức này nhìn chung vẫn trong vùng chấp nhận được và chưa làm suy giảm quá lớn dư địa điều hành vĩ mô của Chính phủ.
- 3) **Chúng tôi đánh giá áp lực tỷ giá USD/VND trong 2026 sẽ có phần hạ nhiệt so với 2025, với dự báo tăng 2.5-3% trong năm 2026** nhờ dự báo chỉ số DXY hạ nhiệt trong 2H2026, chênh lệch dương lãi suất VND-USD, nguồn cung ngoại tệ dồi dào từ nâng hạng thị trường và dòng FDI công nghệ cao, cùng sự can thiệp kịp thời của NHNN.
- 4) **Chúng tôi dự báo đà giảm của lãi suất sẽ rõ nét hơn trong 2H2026, với mức giảm bình quân khoảng 0.5-1%/năm so với thời điểm hiện tại** nhờ giải ngân đầu tư công mạnh mẽ, NHNN có dư địa để hỗ trợ thanh khoản sau khi chiến tranh hạ nhiệt, và kỳ vọng từ các chính sách hạ lãi suất hỗ trợ tăng trưởng cuối năm.

20/04/2026

<b>Nội dung</b>	<b>I. Tóm tắt tổng quan</b>	<b>3</b>
	<b>II. Tăng trưởng GDP</b>	<b>4</b>
	1. Tăng trưởng GDP 1Q2026	4
	2. Dự báo	7
	<b>III. Lạm phát</b>	<b>16</b>
	1. Lạm phát 1Q2026	16
	2. Dự báo	17
	<b>IV. Tỷ giá</b>	<b>21</b>
	1. Tỷ giá 1Q2026	21
	2. Dự báo	23
	<b>V. Lãi suất</b>	<b>25</b>
	1. Lãi suất 1Q2026	25
	2. Dự báo	27

## Tổng quan kinh tế vĩ mô Việt Nam

**Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2026 tăng 7.83% YoY**, thấp hơn đáng kể so với mục tiêu tăng trưởng 10% cho cả năm 2026 do Chính phủ đề ra, qua đó cho thấy áp lực sẽ lớn trong các quý còn lại để hoàn thành kế hoạch. Trong đó, mức tăng trưởng tích cực được đóng góp bởi cả ba khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản; khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ.

**Chúng tôi dự báo tăng trưởng tăng trưởng GDP năm 2026 đạt 7.5 - 8.0%**, thấp hơn khoảng 1 điểm phần trăm so với dự báo trước đó. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc giá dầu thế giới tăng mạnh, qua đó làm gia tăng áp lực lạm phát chi phí đẩy, phần nào hạn chế dư địa nới lỏng cung tiền. Dù vậy, chúng tôi cho rằng tác động tiêu cực này sẽ được giảm bớt nhờ Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công và sử dụng Quỹ bình ổn giá để hạn chế mức độ lan tỏa của giá năng lượng. Bên cạnh đó, triển vọng tích cực hơn của xuất khẩu và dòng vốn FDI cũng sẽ góp phần tạo thêm chất xúc tác cho tăng trưởng, qua đó bù đắp một phần áp lực từ câu chuyện giá dầu tăng.

**Bảng 1. Một số chỉ tiêu vĩ mô năm 2026**

	Đơn vị	Năm 2025	KBSV dự báo 2026	
			Tháng 1	Tháng 4
Tăng trưởng GDP	% YoY	8.02	8.5 - 8.7	7.5 - 8.0
Lạm phát bình quân	% YoY	3.31	4.00	4.8
Tăng trưởng tín dụng	% YTD	19.01	15 - 17	15 - 17
Lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng bình quân	%/năm	4.8 - 5.6	6.0 - 6.5	5.5 - 6.0
Tỷ giá	VND	26,298	27,034 - 27,087	26,955 - 27,087

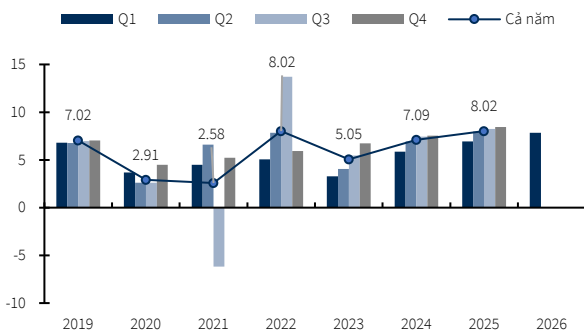
Nguồn: KBSV

## Tổng sản phẩm trong nước GDP

### Tăng trưởng GDP 1Q2026 - mức tăng trưởng còn hạn chế

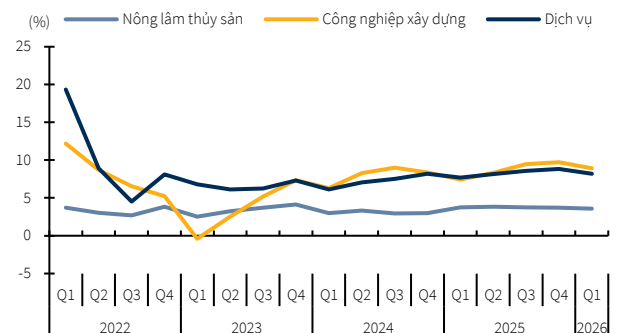
Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2026 tăng 7.83% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.58%, đóng góp 5.60% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8.92%, đóng góp 44.08%; khu vực dịch vụ tăng 8.18%, đóng góp 50.32%.

Biểu đồ 2. Tăng trưởng GDP theo quý (%YoY)



Nguồn: GSO, KBSV

Biểu đồ 3. Tăng trưởng GDP theo khu vực



Nguồn: GSO, KBSV

**Xét từ phía cầu,** tiêu dùng ghi nhận tốc độ hồi phục vẫn tương đối chậm, trong khi đó khu vực đầu tư ghi nhận kết quả tích cực

#### Tiêu dùng ghi nhận tốc độ hồi phục tương đối chậm

Quý I/2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 10.9%, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7.0%, thấp hơn mức tăng trưởng của năm 2025 (quý I/2025, loại trừ yếu tố giá tăng 7.5% YoY). Đáng chú ý, mức tăng trưởng chậm của tiêu dùng đã kéo dài từ 2025, cho thấy đà phục hồi vẫn còn khá chậm và chưa thực sự bứt phá.

Tuy vậy, hoạt động du lịch vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực, với doanh thu dịch vụ du lịch 1Q2026 tăng 12.5% YoY, lượng khách Quốc tế đến Việt Nam đạt 6.76 triệu người, tăng 12.4% YoY, mức cao nhất của quý I từ trước đến giờ.

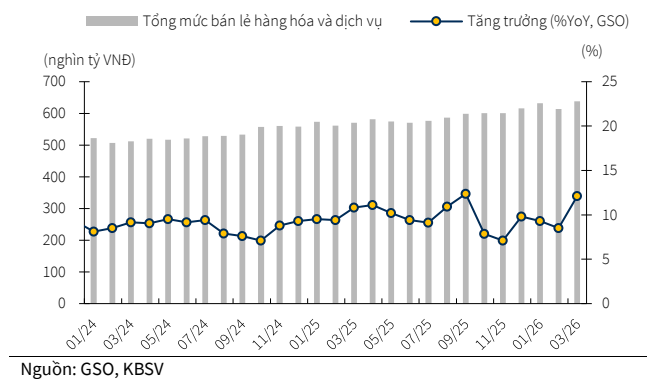
**Vốn đầu tư tăng trưởng tích cực nhờ động lực từ dòng vốn FDI, trong khi giải ngân vốn đầu tư công chậm lại**

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 1Q2026 theo giá hiện hành ước đạt 744.7 nghìn tỷ đồng, tăng 10.7% so với năm 2025. Trong đó, vốn khu vực Nhà nước đạt 207.2 nghìn tỷ đồng, chiếm 27.8% tổng vốn đầu tư và tăng 11.6%YoY; khu vực ngoài Nhà nước đạt 402.4 nghìn tỷ đồng, chiếm 54.1%, tăng 9.8%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 135.1 nghìn tỷ đồng, chiếm 18.1% và tăng 11.8%.

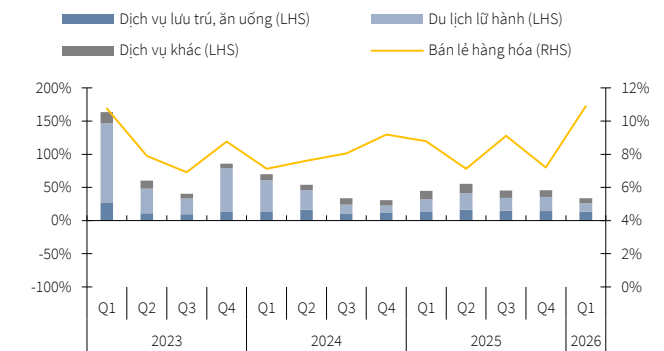
FDI đăng ký trong 1Q2026 tăng trưởng mạnh, chủ yếu được dẫn dắt bởi các dự án quy mô lớn trong lĩnh vực công nghệ cao, cho thấy Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn trong chiến lược dịch chuyển và mở rộng đầu tư của các tập đoàn quốc tế. Lũy kế 1Q2026, FDI đăng ký đạt 15.2 tỷ USD, tăng 42.9% YoY, với các dự án của các Tập đoàn lớn như Foxconn, Samsung, TikTok. Trong khi đó, FDI giải ngân đạt 5.41 tỷ USD, tăng 9.1% so với cùng kỳ năm trước.

Giải ngân vốn đầu tư công ghi nhận tiến độ tích cực hơn trong tháng 3/2026, với tổng vốn giải ngân tháng 3 đạt 68,277 tỷ đồng, tăng 92.4% YoY và 198% MoM. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2026, tổng vốn giải ngân đầu tư công đạt 110,288 tỷ đồng, đạt 11% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao 1,013 nghìn tỷ đồng (cùng kỳ 2025 đạt 9.7% kế hoạch), tăng 37.3% YoY. Trong đó, một số dự án lớn đã được khởi công giai đoạn cuối 2025 - đầu năm 2026, bao gồm Tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Sân bay Gia Bình, các tuyến đường Metro tại Hà Nội và TP.HCM...

**Biểu đồ 4. Tăng trưởng doanh thu bán lẻ và dịch vụ**

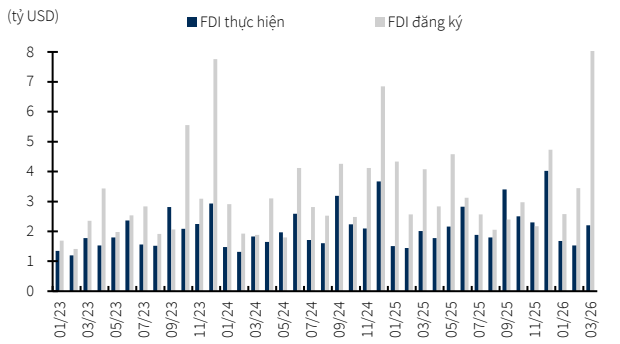


**Biểu đồ 5. Tăng trưởng theo từng thành phần**



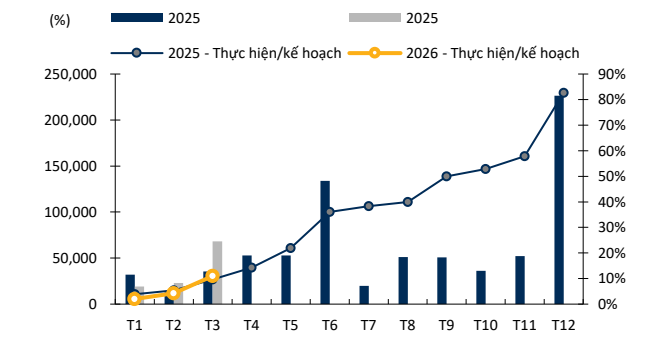
Tăng trưởng doanh thu dịch vụ lữ hành Q2/Q3/Q4 năm 2022 lần lượt là 324% YoY/3831%YoY/231%YoY

**Biểu đồ 6. Tổng vốn FDI đầu tư vào Việt Nam**



Nguồn: GSO, KBSV

**Biểu đồ 7. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công**



Nguồn: Bộ Tài chính, KBSV

**Xét từ phía cung**, khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ tiếp tục đà tăng trưởng

**Khu vực dịch vụ đạt mức tăng trưởng ấn tượng**

Khu vực dịch vụ trong Quý I/2026 ghi nhận mức tăng trưởng 8.18%, đóng góp 50.32% vào tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Mức tăng trưởng tích cực này được đóng góp mạnh mẽ từ nhu cầu tiêu dùng vào dịp Tết Nguyên đán, nhu cầu du lịch nội địa và lượng khách quốc tế tăng tích cực. Tính hết 1Q2026, lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt 6.76 triệu lượt người, tăng 12.4% YoY.

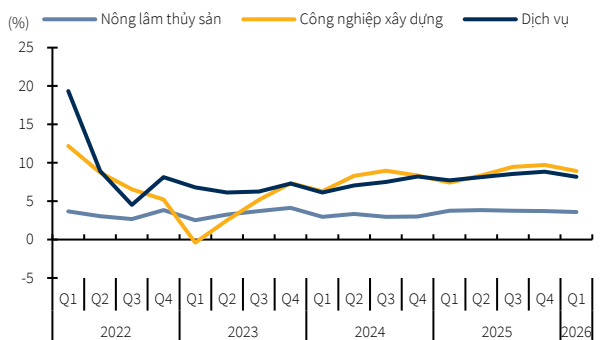
**Khu vực công nghiệp và xây dựng nổi bước đà tăng trưởng mạnh mẽ**

Khu vực công nghiệp và xây dựng tiếp tục khởi sắc trong quý I/2026 với giá trị toàn ngành công nghiệp tăng 9.01%, đóng góp 38.34% vào tăng trưởng chung của nền kinh tế. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo duy trì vai trò chủ lực với mức tăng 9.73% YoY; ngành xây dựng tăng 5.74% YoY.

**Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì tăng trưởng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và phục vụ xuất khẩu**

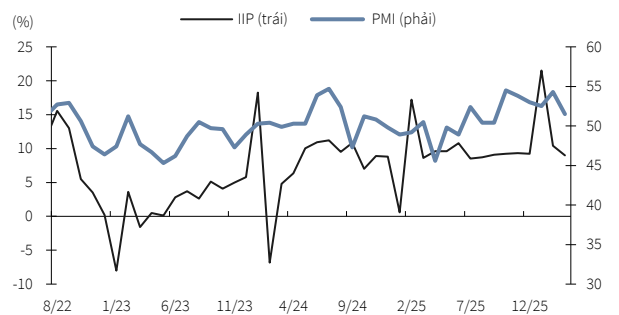
Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng trong quý I/2026 đạt 3.360%, đóng góp 4.01% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, duy trì tăng trưởng ổn định với sản lượng cây lâu năm đạt mức trung bình, chăn nuôi lợn tiếp tục phục hồi, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng cao nhờ ứng dụng khoa học công nghệ.

**Biểu đồ 8. Tăng trưởng GDP theo thành phần**



Nguồn: GSO, KBSV

**Biểu đồ 9. Chỉ số IIP và PMI**



Nguồn: GSO, KBSV

## Dự báo tăng trưởng GDP 2026

**Dự báo tăng trưởng GDP năm 2026 đạt 7.5 - 8.0%**

Chúng tôi dự báo tăng trưởng tăng trưởng GDP năm 2026 đạt 7.5 - 8.0%, thấp hơn khoảng 1 điểm phần trăm so với dự báo trước đó. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc giá dầu thế giới tăng mạnh, qua đó làm gia tăng áp lực lạm phát chi phí đẩy, phần nào hạn chế dư địa nới lỏng cung tiền. Dù vậy, chúng tôi cho rằng tác động tiêu cực này sẽ được giảm bớt nhờ Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công và sử dụng Quỹ bình ổn giá để hạn chế mức độ lan tỏa của giá năng lượng. Bên cạnh đó, triển vọng tích cực hơn của xuất khẩu và dòng vốn FDI cũng sẽ góp phần tạo thêm dư địa tăng trưởng, qua đó bù đắp một phần áp lực từ giá dầu tăng.

Về rủi ro, chúng tôi đặc biệt lưu ý đến kịch bản giá dầu duy trì ở mức cao hơn kỳ vọng. Trong kịch bản tiêu cực, nếu giá dầu bình quân neo trên ngưỡng 100 USD/thùng trong thời gian dài, áp lực chi phí đẩy sẽ gia tăng rõ nét, qua đó lan tỏa sang hoạt động tiêu dùng, sản xuất và đầu tư trong nước. Điều này không chỉ làm thu hẹp dư địa nới lỏng chính sách, mà còn tạo sức ép lớn hơn lên tăng trưởng kinh tế và lạm phát trong năm 2026. Ngoài ra, một số rủi ro khác cần lưu ý như xung đột Nga- Ukraine, căng thẳng khu vực châu Á ngày càng phức tạp,...

**Dự báo xung đột Mỹ - Iran sẽ hạ nhiệt rõ nét hơn vào nửa sau quý 2/2026, tuy vậy giá dầu vẫn giữ ở vùng cao trong 2026**

Chúng tôi nghiêng về kịch bản xung đột giữa Mỹ và Iran sẽ có những tín hiệu hạ nhiệt rõ nét hơn trong nửa sau của quý 2/2026. Dù vậy, nguồn cung dầu nhiều khả năng sẽ tiếp tục ở trạng thái thắt chặt tương đối trong giai đoạn 2026-2027, do các cơ sở dầu tại Trung Đông đã bị thiệt hại nghiêm trọng. Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi dự báo giá dầu Brent bình quân sẽ ở mức 85 - 95 USD/thùng trong năm 2026. (đọc thêm tại [Báo cáo chiến lược TTCK 2Q2026](#)) tương đương giá xăng Ron 95 là 22,100 nghìn đồng, tăng 10.3% so với bình quân 2025) và Do II là 29,800, tăng 60% so với bình quân 2025) - giả định Chính Phủ Việt Nam duy trì mức trợ giá xăng dầu như hiện tại.

**Kỳ vọng Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục sử dụng quỹ bình ổn giá để kiểm soát tác động của giá năng lượng đến nền kinh tế**

Tại cuộc họp Quốc hội tháng 4/2026, Chính Phủ giữ nguyên mục tiêu tăng trưởng kinh tế đạt 10% trong 2026. Do đó, trong kịch bản cơ sở, chúng tôi cho rằng Chính phủ sẽ tiếp tục sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu để giảm thiểu tác động bất lợi của giá năng lượng cao đối với nền kinh tế trong năm 2026.

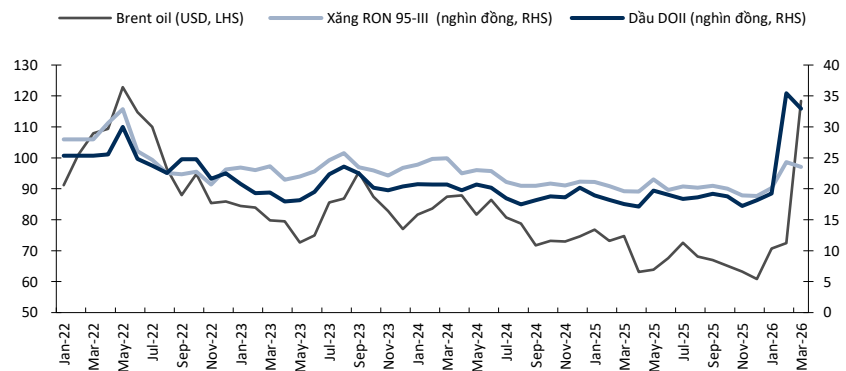
Về dư địa, so sánh quy mô và dư địa chính sách tiền tệ với các quốc gia trong khu vực, chúng tôi nhận thấy Việt Nam có dư địa tài khóa tương đối tích cực hơn để mở rộng việc trợ giá cho xăng dầu trong 2026, (bảng 10). Cuối tháng 3/2026 Chính phủ Việt Nam quyết định bổ sung thêm 8,000 tỷ đồng vào Quỹ Bình ổn xăng dầu (BOG), tương đương khoảng 304 triệu USD (0.067%GDP 2025), đồng thời Bộ Công Thương cũng cho biết, trong trường hợp quỹ BOG sử dụng hết thì sẽ đánh giá nhu cầu và đề xuất bổ sung dự toán ngân sách. Tuy nhiên, cần lưu ý, đây chỉ là biện pháp ngắn hạn, vì việc hấp thụ phần lớn mức

tăng giá năng lượng trong thời gian dài sẽ gây áp lực rất lớn lên ngân sách quốc gia.

**Về tính cấp thiết**, giá năng lượng tăng cao tạo áp lực chi phí đẩy lên nền kinh tế qua đó dẫn truyền những hệ lụy bao gồm (1) lạm phát tăng do giá xăng dầu và điện đầu vào tăng, từ đó lan sang chi phí vận tải, sản xuất và thực phẩm (Phân tích rõ hơn ở phần Lạm phát); (2) tiêu dùng hộ gia đình yếu đi vì chi phí năng lượng và thực phẩm cao hơn, thu nhập thực giảm, làm giảm sức mua; (3) đầu tư khu vực tư nhân và khu vực FDI có thể chậm lại nếu bất định toàn cầu tăng và điều kiện tài chính thắt chặt hơn; (4) dư địa chính sách tiền tệ bị thu hẹp do áp lực lạm phát. Vì vậy, trong trường hợp Chính phủ không trợ giá, nền kinh tế hấp thụ hết 80-100% mức tăng giá dầu Thế giới, điều này sẽ gây tác động lớn làm giảm đáng kể dư địa đạt được kế hoạch tăng trưởng 10%/năm của Chính Phủ.

Giá dầu Brent tăng mạnh, kéo theo đà tăng của giá xăng dầu Việt Nam, giá xăng Ron 95 (+15% so với bình quân 2025) và dầu Do II (+40% so với bình quân 2025) - mức này đã bao gồm khoản trợ giá của Chính phủ.

**Biểu đồ 10. Giá năng lượng trong nước và Quốc tế**



Nguồn: Bloomberg, pricetandancing, KBSV

**Bảng 11. Các khoản dự chi để bù đắp cú sốc giá năng lượng tại các Quốc gia**

	Nhập khẩu ròng dầu và khí (% GDP, 2024)	Nợ Chính phủ (% GDP, 2025)	Quỹ bình ổn giá xăng dầu (khoản công bố sau tháng 2/2026, triệu USD)	Chính phủ trợ cấp cho xăng dầu (% GDP 2025)
Lào	8	81	Dư địa mỏng, chưa có gói trợ cấp	
Thái Lan	7	66	Quỹ đã âm 1,850 triệu USD	0.35
Campuchia	6	27	Không có gói trợ giá cụ thể, chỉ giảm thuế nhập khẩu/VAT	
Philippines	3	63	330 triệu USD (có thể bổ sung)	0.07
Việt Nam	2	33	304 triệu USD (có thể bổ sung)	0.067
Indonesia	1	41	22,400 triệu USD (cả năm 2026)	1.6
Malaysia	-1	65	992,56 triệu USD/tháng	2.82
Trung Quốc	2	71	Không có gói trợ giá cụ thể, nhưng nhờ nguồn dự trữ dồi dào, giá năng lượng trong nước không thay đổi nhiều	Nếu duy trì mức hỗ trợ theo tháng như đã công bố

Nguồn: Worldbank, KBSV tổng hợp

**Giải ngân đầu tư công kỳ vọng bứt tốc trong 2026 khi nền tảng thể chế đã cơ bản hoàn thiện**

Năm 2026, kinh tế Việt Nam dự kiến đối mặt với nhiều bất định từ bên ngoài, đặc biệt là rủi ro giá năng lượng leo thang do xung đột Mỹ-Israel-Iran, cho thấy việc đẩy mạnh đầu tư công trở thành động lực dẫn dắt tăng trưởng quan trọng, bù đắp phần nào sự suy yếu của các động lực tăng trưởng khác.

Do đó, chúng tôi dự báo giải ngân đầu tư công 2026 sẽ đạt kết quả tăng trưởng tích cực, kỳ vọng giải ngân ĐTC đạt 95% kế hoạch Thủ tướng giao, tương đương 945,580 tỷ đồng (+25% YoY). Triển vọng này được hỗ trợ bởi việc nền tảng cải cách thể chế và bộ máy nhà nước đã cơ bản hoàn thiện trong năm 2025, đồng thời hàng loạt dự án trọng điểm quốc gia bắt đầu khởi công từ cuối 2025 - đầu 2026 như Sân bay Gia Bình, Đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Các tuyến Metro tại Hà Nội và Tp. HCM (Bảng 14).

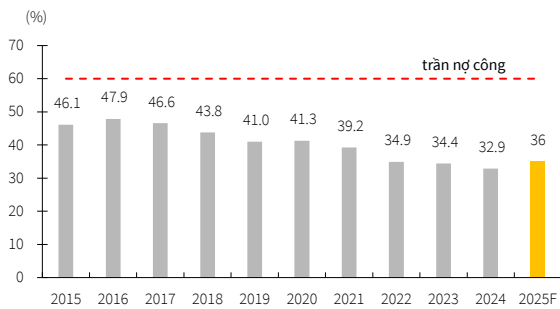
Trong trung hạn giai đoạn 2026-2030, Chính phủ dự định sẽ phân bổ khoảng 8.51 triệu tỷ VND cho đầu tư phát triển, gấp 1.5 lần so với trung bình giai đoạn 2021-2025, cho thấy sự quyết liệt của Chính Phủ trong việc gia tăng đầu tư công. Trong khi đó, dư địa tài khóa còn khá lớn, Nợ công/GDP của Việt Nam dự kiến vào cuối 2025 là khoảng 36% GDP, thấp hơn nhiều so với ngưỡng trần 60% do Quốc hội quy định (Biểu đồ 16)

**Bảng 12. Các dự án đầu tư công trọng điểm của Việt Nam**

Dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ USD)	Trước 2025	2025	2026	2027	2028	2029	Sau 2030
<b>Sân bay</b>								
Sân bay Quốc tế Chu Lai	0.6							
Sân bay Quốc tế Gia Bình	5.4							
Sân bay Quốc tế Long Thành (Giai đoạn 1)	4.7							
<b>Đường sắt</b>								
Đường sắt cao tốc Bắc - Nam	67.3							
Tuyến metro số 3, 4, 6	19							
Đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	8.4							
Tuyến metro số 5: Văn Cao - Ngọc Khánh - Hòa Lạc	2.5							
Tuyến metro số 2: Bến Thành - Tham Lương	2							
Tuyến metro số 2: Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1.4							
<b>Đường bộ</b>								
Đường vành đai 5 Hà Nội	6.5							
12 dự án thành phần cao tốc Bắc Nam	6.2							
Đường vành đai 4 HCM	4.6							
Đường vành đai 4 Hà Nội	3.7							
Đường vành đai 3 HCM	3.2							
Cao tốc Hà Nội - Hà-Bình - Sơn La	2.5							
Cao tốc Cao Bằng - Bắc Kạn	2.5							
Cao tốc Cà Mau - Đất Mũi	2.2							
Cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu	2.1							
Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1.7							
<b>Cảng biển</b>								
Cảng Quốc tế Cần Giờ	5.5							
Cảng Liên Chiểu, Đà Nẵng	1.8							
Trung tâm logistic Cái Mép	0.5							
Cảng Nam Đò Sơn	1.1							

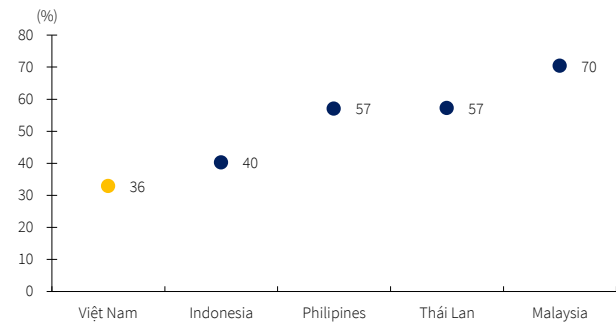
Nguồn: KBSV tổng hợp

**Biểu đồ 13. Tỷ lệ nợ công trên GDP của Việt Nam giai đoạn 2020-2025**



Nguồn: Bloomberg, KBSV

**Biểu đồ 14. Tỷ lệ nợ chính phủ trên GDP của Việt Nam và các nước trong khu vực**



Nguồn: Bloomberg, KBSV

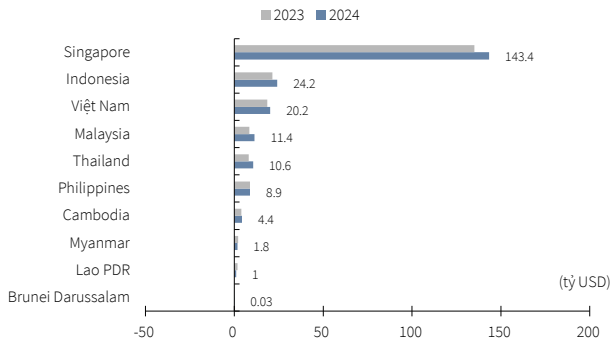
**Dòng vốn FDI vào Việt Nam phục hồi mạnh mẽ nhờ làn sóng FDI ngành công nghệ cao**

Chỉ riêng quý 1/2026, Việt Nam đã ghi nhận nhiều tín hiệu phục hồi mạnh mẽ dòng vốn FDI, cụ thể FDI đăng ký đạt 15.2% (+44% YoY); FDI giải ngân đạt 5.41 tỷ USD (+9.5% YoY), với nhiều dự án đăng ký lớn của Samsung, Foxconn, Meiko, Goertek và Luxshare... tiếp tục mở rộng đầu tư và gia tăng sự hiện diện tại Việt Nam. Đáng chú ý, dòng vốn mới không chỉ tập trung vào các khâu sản xuất – lắp ráp, mà còn từng bước dịch chuyển sang các phân khúc có giá trị gia tăng cao hơn như trung tâm dữ liệu, nghiên cứu và phát triển (R&D), nhà máy sản xuất bản mạch in (thiết bị bán dẫn) (bảng 17).

Dự báo năm 2026, chúng tôi kỳ vọng dòng vốn FDI đăng ký hồi phục mạnh mẽ, trong khi đó, dòng vốn FDI giải ngân duy trì mức tăng trưởng tích cực, chủ yếu được thúc đẩy bởi làn sóng FDI ngành công nghệ cao. Dự báo FDI đăng ký và FDI giải ngân năm 2026 đạt lần lượt 40.4 tỷ USD (+20% YoY); 30.4 tỷ USD (+10% YoY), được hỗ trợ bởi:

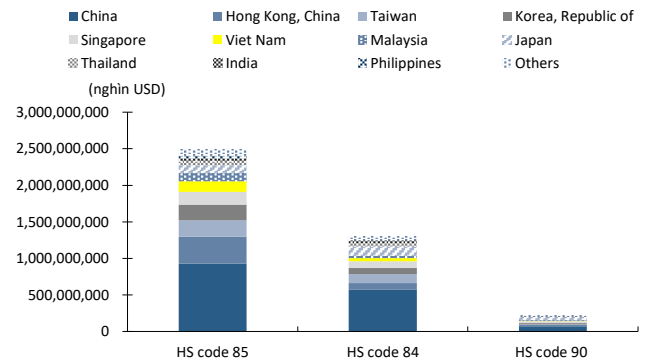
- (1) **Siêu chu kỳ ngành bán dẫn thế giới, thúc đẩy nhu cầu mở rộng công suất trên toàn thế giới.** Trong bối cảnh đó, Việt Nam có cơ hội thu hút dòng vốn vào các khâu sản xuất ngành công nghệ cao, nhờ đã hình thành nền tảng hiện diện của nhiều tập đoàn lớn như Samsung, LG, Apple và Intel...
- (2) **Xu hướng cạnh tranh, phân tách ngành công nghệ giữa Mỹ - Trung Quốc,** khiến các tập đoàn xuất khẩu sang Mỹ phải đẩy mạnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng, dịch chuyển sản xuất/đơn hàng ra khỏi Trung Quốc. Qua đó, tạo dư địa lớn cho Việt Nam thu hút dòng vốn FDI ngành công nghệ cao, đặc biệt ở khâu lắp ráp, đóng gói và kiểm thử (APT). Xu hướng trên đã phần nào thể hiện qua việc một số doanh nghiệp như Goertek, Luxshare, Foxconn, LG, Meiko, Intel, Marvell và Amkor tiếp tục mở rộng đầu tư tại Việt Nam trong cuối 2025 - đầu 2026.

**Biểu đồ 15. Tổng vốn FDI giải ngân ngành Công nghiệp chế biến chế tạo**



Nguồn: Hiệp hội các Quốc gia Asean, KBSV

**Biểu đồ 16. Kim ngạch xuất khẩu năm 2024 các mặt hàng/ thiết bị điện tử, công nghệ**



Nguồn: ITC, KBSV

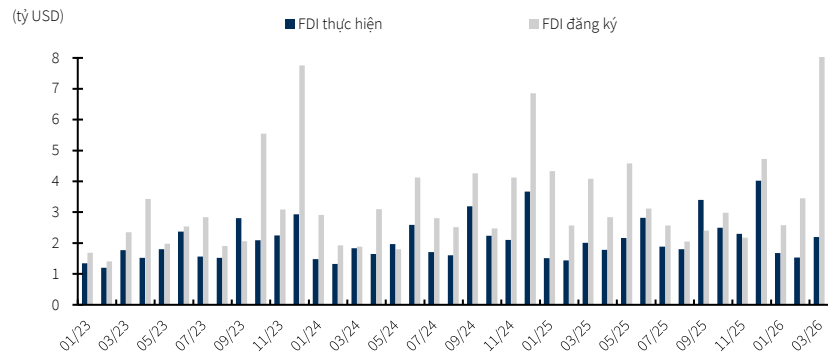
**Bảng 17. Một số dự án FDI lớn đầu tư vào Việt Nam giai đoạn cuối 2025, đầu năm 2026**

Năm	Doanh nghiệp / Nhóm nhà đầu tư	Quốc gia	Dự án	Địa điểm	Quy mô vốn
2025	Qualcomm	Hoa Kỳ	Trung tâm R&D AI	Hà Nội, TP.HCM	Chưa công bố
2025	SAP	Đức	SAP Labs Vietnam / R&D hub	TP.HCM	>150 triệu EUR / 5 năm
2025	SkyeChip	Malaysia	Dự án thiết kế chip	Đà Nẵng	Chưa công bố
2025	IPTP Networks / AIDC DeCenter	Singapore	Trung tâm dữ liệu AI quốc tế	Đà Nẵng	200 triệu USD
2025	Victory Giant Technology	Trung Quốc	Bán dẫn: Sản xuất bảng mạch in (PCB) công nghệ cao	Bắc Ninh	520 triệu USD
2025	Green Precision Manufacturing Việt Nam	Trung Quốc	Thiết bị điện tử/linh kiện điện tử, bán dẫn	Bắc Ninh	Hơn 120 triệu USD
2025	BYD Electronics (Vietnam)	Trung Quốc	Thiết bị điện tử/linh kiện điện tử, bán dẫn	Phú Thọ	Nhà máy hiện hữu 366 triệu USD; chưa nêu riêng phần vốn tăng thêm
2025	SHEMAR Power	Trung Quốc	Pin Năng lượng	Bắc Ninh	90 triệu USD giai đoạn 1; 100 triệu USD giai đoạn 2
2025	Desay Group	Trung Quốc	Pin Năng lượng	Bắc Ninh	+25 triệu USD
2025	Hailide Fibers (Hong Kong)	Hong Kong (Trung Quốc)	Sợi tổng hợp	Tây Ninh	+200 triệu USD, nâng tổng vốn lên 335 triệu USD
2025	Goertek Electronics Vietnam	Trung Quốc	Thiết bị điện tử/linh kiện điện tử, bán dẫn	Bắc Giang	50 triệu USD
2025	Goertek	Trung Quốc	Bổ sung vốn cho dự án thiết bị đa phương tiện	Bắc Ninh	+130 triệu USD
2026	Luxshare-ICT Dự án tri hoãn từ 2025	Trung Quốc	Linh kiện điện tử, scanner, camera, Wi-Fi transmitter, doorbells, headphones	Nghệ An	358,5 triệu USD tổng vốn sau khi tăng thêm 208,5 triệu USD
2026	Luxshare-ICT Van Trung	Trung Quốc	Bổ sung dây chuyền thiết bị VR - linh kiện điện tử	Bắc Giang/Bắc Ninh	Chưa công bố
2026	AIC + KBC + đối tác	AIC là nhà đầu tư nước ngoài; JV với đối tác Việt Nam	AI data center	KCN Tân Phú Trung, TP.HCM	2,1 tỷ USD
2026	Evolution Data Centres	Singapore	Data center	Khu CNC TP.HCM	500 triệu USD
2026	G42 + FPT + VinaCapital + Viet Thai Group	UAE + Việt Nam	Hạ tầng data center AI quy mô lớn	TP.HCM	Khoảng 2 tỷ USD
2026	Besi	Hà Lan	Advanced packaging / production facility	Chứa chốt công khai	1 tỷ USD (kế hoạch tổng thể tại VN)
2026	Samsung Electronics	Hàn Quốc	Nhà máy kiểm thử và đóng gói chip	Chứa công bố	Chưa công bố, Bloomberg nêu khả năng 4 tỷ USD
2026	Meiko Electronics	Nhật Bản	Công ty con mới sản xuất PCB	Phú Thọ	50 triệu USD

2026	G42 + FPT + VinaCapital + Viet Thai Group	UAE + Việt Nam	Hạ tầng data center AI quy mô lớn	TP.HCM	khoảng 2 tỷ USD
2026	Evolution Data Centres	Singapore	Hyperscale data center campus	Khu CNC TP.HCM	500 triệu USD
2026	Foxconn	Đài Loan	Thiết bị/linh kiện điện tử, bán dẫn	Bắc Ninh	+287 triệu USD
2026	Foxconn (Fulian Precision Technology Component)	Đài Loan	Bổ sung vốn cho cơ sở hiện hữu Thiết bị/linh kiện điện tử, bán dẫn Tăng vốn điều lệ cho nhà máy Fulian	Bắc Ninh	gần +40 triệu USD

Nguồn: KBSV tổng hợp

**Biểu đồ 18. Dòng vốn FDI đầu tư vào Việt Nam**



Nguồn: GSO, KBSV

**Chính phủ nỗ lực thúc đẩy Việt Nam thâm nhập sâu hơn trong chuỗi cung ứng ngành công nghệ cao**

Để tận dụng làn sóng dịch chuyển đầu tư và gia tăng mức độ tham gia vào chuỗi cung ứng công nghệ cao, đặc biệt là bán dẫn, Chính phủ Việt Nam đang từng bước hoàn thiện hệ thống chiến lược, định hướng ưu tiên và cơ chế ưu đãi cho ngành. Các chính sách này được thể hiện qua Nghị quyết 57-NQ/TW - Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn, các cơ chế hỗ trợ tài chính và đổi mới công nghệ; và Dự thảo Luật Công nghệ cao (sửa đổi), dự kiến áp dụng từ 01/7/2026, được kỳ vọng sẽ củng cố khung pháp lý và ưu đãi cho giai đoạn tăng tốc đầu tư ngành công nghệ cao/ bán dẫn/ hạ tầng điện sấp tới của Việt Nam (bảng 49). Bên cạnh đó, với các dự án Data Center, Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tổng công suất Data Center được định hướng tăng từ khoảng 104 MW năm 2025 lên 589 MW vào năm 2030, tương đương gấp 5.6 lần, CAGR 41.4%/năm.

Song song, Chính phủ Việt Nam đang cho thấy những nỗ lực đẩy mạnh kết nối doanh nghiệp công nghệ cao trong nước với chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong lĩnh vực bán dẫn và AI thông qua hàng loạt các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư (bảng 19). Nổi bật là việc Viettel khởi công nhà máy bán dẫn tại Hòa Lạc (27ha) và FPT thành lập nhà máy kiểm thử – đóng gói bán dẫn tiên tiến trong đầu năm 2026 (1.6ha).

**Bảng 19. Các chính sách thu hút FDI ngành công nghệ cao của Chính Phủ Việt Nam**

Chính sách 2025	Nội dung	Một số điểm chính	Thời gian áp dụng
Luật thuế TNDN 2025	Miễn/ giảm thuế TNDN	<ul style="list-style-type: none"> <li>Áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 30 năm, kèm theo thời gian miễn thuế tối đa 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong tối đa 9 năm tiếp theo. Áp dụng cho dự án công nghệ cao, R&amp;D, dự án chiến lược, dự án AI..</li> <li>Đối với các dự án không thuộc danh mục ưu tiên thì mức thuế suất ưu đãi là 15% trong 15 năm, được miễn thuế tối đa 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong tối đa 4 năm sau đó.</li> </ul>	01/10/2025
Nghị định 19/2025	Đơn giản hóa, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đơn giản hóa và đẩy nhanh thủ tục cấp phép dự án đầu tư</li> <li>Rút ngắn thời gian xét duyệt các dự án đầu tư</li> </ul>	15/01/2025
Nghị định 239/2025	Nới lỏng các yêu cầu pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>NĐT chậm được bàn giao đất khiến thời hạn triển khai dự án kéo dài, sẽ không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư</li> <li>NĐT được lựa chọn UBND tỉnh đầu mối thực hiện thủ tục cấp phép đầu tư đối với dự án thuộc địa bàn của 02 tỉnh trở lên</li> <li>Giảm số lượng bộ hồ sơ cần nộp và rút ngắn thời hạn cấp phép đầu tư</li> </ul>	03/09/2025
Nghị định 245/2025	Khuyến khích doanh nghiệp FDI tham gia TTCK Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rút ngắn thời gian còn 30 ngày để xử lý hồ sơ về quy trình niêm yết IPO trên sàn chứng khoán Việt Nam</li> </ul>	11/09/2025
Nghị định 57/2024	Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mục tiêu đến năm 2030, kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&amp;D) đạt 2% GDP</li> <li>Thu nhập của trung tâm đổi mới sáng tạo được đề xuất/thiết kế theo hướng miễn thuế tối đa 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 9 năm tiếp theo;</li> <li>Cho phép tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được miễn trách nhiệm dân sự khi gây thiệt hại cho Nhà nước</li> </ul>	22/12/2024
Gói ưu đãi vay 500,000 tỷ đồng (giải ngân từ 2025 - 2026)	Chương trình tín dụng đầu tư hạ tầng điện, giao thông, công nghệ chiến lược	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giai đoạn năm 2025-2026, các ngân hàng thương mại dành khoảng 100 nghìn tỷ đồng (khoảng 20% quy mô của Chương trình)</li> <li>Giai đoạn 2027 - 2030, căn cứ vào tiến độ, nhu cầu sử dụng vốn tín dụng của các dự án, số vốn còn lại sẽ được phân bổ</li> </ul>	2025 - 2030
<b>Dự thảo</b>			
Golden Visa	Thu hút đầu tư và nhân lực chất lượng cao từ nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thu hút đầu tư và nhân lực chất lượng cao từ nước ngoài bằng cách cấp quyền cư trú dài hạn (hoặc quyền định cư) cho các chuyên gia, NĐT nước ngoài..</li> </ul>	2026
Dự thảo nghị định về miễn thuế đất	Miễn/giảm tiền thuê đất KCN	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đề xuất miễn tiền thuê đất (15 - 22 năm) đối với dự án AI, data center, công nghệ cao, chất bán dẫn...</li> <li>Giảm tiền thuê đất (30%) đối với một số dự án ưu tiên khác</li> </ul>	2026
Dự thảo Luật Công nghệ cao	Khuyến khích, gia tăng các ưu đãi thu hút ngành Công nghệ cao đầu tư tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tài trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức liên kết do Nhà nước tài trợ, đặt hàng; theo hình thức hợp tác công tư.</li> <li>Được xem xét tài trợ, hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ cho vay từ Quỹ Quốc Gia</li> <li>Ưu đãi về thuế: Cá nhân thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao được miễn thuế thu nhập; Áp dụng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 25 năm, miễn thuế tối đa 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 9 năm tiếp theo</li> <li>Miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng, tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ cao;</li> <li>Ưu đãi, hỗ trợ về nhân lực: Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho các cá nhân thực hiện nghiên cứu tại Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao</li> <li>Mức hỗ trợ lãi suất vay đối với dự án ứng dụng, thương mại hóa công nghệ cao được xác định bằng 70% lãi suất cho vay</li> </ul>	Hiệu lực từ 1/7/2026

Nguồn: KBSV tổng hợp

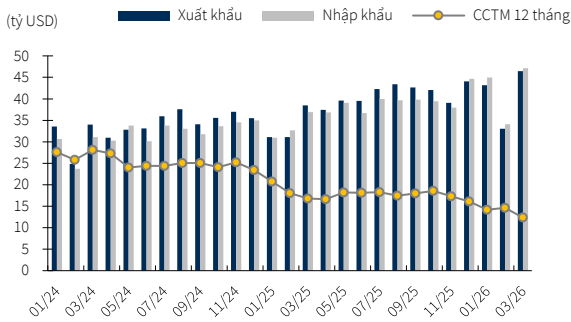
**Dự báo xuất khẩu năm 2026 tăng 10% YoY**

Chúng tôi kỳ vọng sự khởi đầu của siêu chu kỳ công nghệ cao, cùng với làn sóng mở rộng đầu tư mạnh mẽ của các tập đoàn công nghệ lớn vào Việt Nam, sẽ trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu trong trung hạn. Trong kịch bản cơ sở năm 2026, với giả định căng thẳng Mỹ-Iran dần hạ nhiệt trong nửa sau Q2/2026, KBSV duy trì quan điểm tích cực đối với triển vọng xuất khẩu của Việt Nam. **Theo đó, tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2026 được dự báo đạt khoảng 522 tỷ USD, tương ứng mức tăng 10% YoY**, với sự đóng góp tăng trưởng chính đến từ các thị trường xuất khẩu chủ lực, đặc biệt là nhóm hàng công nghệ cao như máy vi tính, điện thoại, thiết bị điện/ điện tử...

Tuy vậy, dự báo tăng trưởng xuất khẩu năm 2026 tiếp tục được đóng góp bởi khu vực FDI, trong khi xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp nội địa khó có khả năng phục hồi rõ rệt trong năm 2026, điều này là do như những mặt hàng

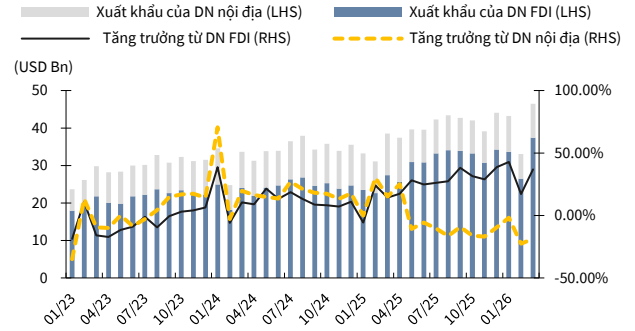
truyền thống như nông sản, dệt may, gỗ khó phục hồi mạnh do nhu cầu Toàn cầu yếu và rủi ro thuế quan cao vì phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu bên ngoài.

**Biểu đồ 20. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam**



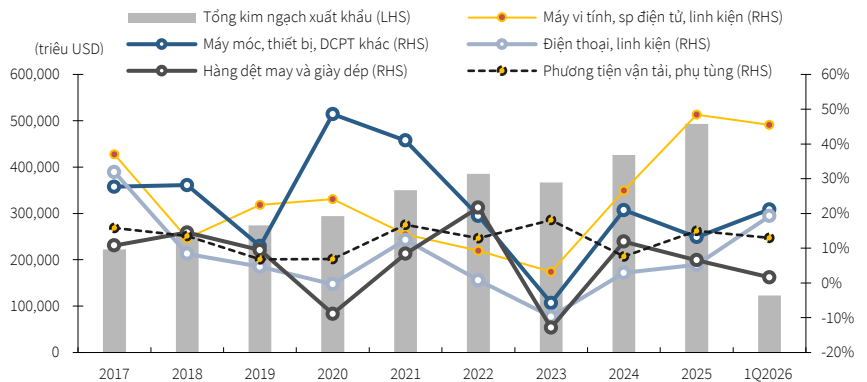
Nguồn: GSO, KBSV

**Biểu đồ 21. Tăng trưởng XNK với các đối tác chính**



Nguồn: GSO, KBSV

**Biểu đồ 22. Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng**



Nguồn: GSO, KBSV

## Lạm phát

### Lạm phát 1Q2026 - Áp lực giá năng lượng tăng cao

#### Lạm phát trong mục tiêu kiểm soát của Chính phủ

Tháng 3/2026, CPI tăng mạnh lên 4.65% YoY, chủ yếu do áp lực giá năng lượng tăng do xung đột tại eo biển Hormuz kéo giá dầu Bent tăng 84%YTD, theo đó áp lực từ nhóm giao thông tăng 12.85% YoY, tác động làm CPI chung tháng 3 tăng 1,28 điểm phần trăm. Tính chung 1Q2026, CPI chung tăng 3.51% YoY, lạm phát cơ bản tăng 3.63% YoY, với các yếu tố chính tác động tới CPI bao gồm:

- (1) **Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5.69% YoY**, làm CPI chung tăng 1.29ppts. Trong đó, chỉ số giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 12.26% YoY do giá vật liệu xây dựng và nhu cầu xây dựng, sửa chữa nhà ở tăng; giá thuê nhà ở tăng 6.55% YoY; giá điện sinh hoạt tăng 5.55% YoY;
- (2) **Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4.55% YoY**, tác động làm CPI chung tăng 1.63ppts, chủ yếu do nhu cầu tăng vào dịp Lễ Tết;
- (3) **Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 3.21% YoY**, làm CPI chung tăng 0.19 điểm phần trăm do một số trường điều chỉnh học phí trong năm học 2025-2026.

## Dự báo lạm phát 2026

### Điều chỉnh tăng dự báo lạm phát 2026 do áp lực giá năng lượng

Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi dự báo lạm phát bình quân năm 2026 của Việt Nam tăng 4.8% YoY (bảng 26) - cao hơn mục tiêu kiểm soát lạm phát của Chính phủ (4.5%). Dù vậy, mức này vẫn trong vùng chấp nhận được và chưa gây áp lực lớn lên ổn định vĩ mô. Do đó, nhằm tạo thêm dư địa hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng 10%, kỳ vọng Chính phủ có thể cân nhắc nâng ngưỡng mục tiêu lạm phát lên 5% khi cần thiết. Động lực chính khiến chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo lạm phát đến từ áp lực giá năng lượng duy trì ở mức cao trong năm 2026, với tác động trực tiếp và làm tăng đáng kể giá nhóm Giao thông và nhóm Nhà ở, VLXD. Ngoài ra, các mặt hàng và dịch vụ do Nhà nước quản lý giá như giáo dục, y tế và điện nước nhiều khả năng sẽ được điều chỉnh theo lộ trình thận trọng hơn, phù hợp với mục tiêu ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Về rủi ro, chúng tôi lưu ý đến rủi ro bất định liên quan đến giá dầu và xung đột tại Trung Đông. Trong kịch bản tiêu cực, với dự báo giá dầu bình quân 2026 ở mức 100 USD/thùng, chúng tôi dự báo lạm phát bình quân năm 2026 của Việt Nam ở mức 5.4% (bảng 27) - gây áp lực lớn hơn lên ổn định kinh tế vĩ mô. Đồng thời, áp lực lạm phát cao cũng sẽ thu hẹp dư địa điều hành chính sách, đặc biệt là khả năng duy trì mặt bằng lãi suất thấp để hỗ trợ tăng trưởng.

### Giá năng lượng tăng tạo áp lực trực tiếp đến Nhóm giao thông

Như đã đề cập trong *Báo cáo chiến lược TTCK 2Q2026*, chúng tôi cho rằng nguồn cung dầu toàn cầu nhiều khả năng vẫn ở trạng thái tương đối thắt chặt trong giai đoạn 2026–2027, ngay cả khi căng thẳng Trung Đông hạ nhiệt trong 1–2 tháng tới. Trên cơ sở đó, giá dầu Brent được kỳ vọng duy trì ở vùng cao, kịch bản cơ sở dao động quanh 85–95 USD/thùng.

Với giả định Chính phủ tiếp tục sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu để giảm bớt tác động truyền dẫn của giá năng lượng vào nền kinh tế, chúng tôi dự báo giá bán lẻ bình quân trong nước năm 2026 của RON95-III và dầu DO 0.05S-II lần lượt ở mức 22,100 đồng/lít và 29,800 đồng/lít, tương ứng tăng 10.3% YoY và 60% YoY. Diễn biến này trước hết sẽ tạo áp lực trực tiếp lên nhóm giao thông, ước tính mức tăng giá nhóm giao thông 2026 là 11% YoY, tác động làm CPI chung tăng 1.1 điểm phần trăm.

### Nhóm Nhà ở, VLXD chịu tác động dẫn truyền rõ nét nhất từ cú sốc năng lượng

Giá năng lượng tăng làm chi phí vận chuyển và chi phí khai thác nguyên vật liệu gia tăng, qua đó đẩy mặt bằng giá vật liệu xây dựng đi lên. Theo số liệu của Bộ Xây dựng, trong tháng 3/2026, giá vật liệu xây dựng đã tăng mạnh so với tháng trước: xi măng tăng hơn 7%, thép tăng hơn 2%, gạch lát tăng gần 5%; trong khi cát, đá và gạch xây tăng mạnh hơn, dao động khoảng 13.5%–23.3%. Nhựa đường là mặt hàng chịu tác động lớn nhất khi tăng gần 32%.

Tương ứng với diễn biến trên, Bộ Xây dựng ước tính chi phí dự toán xây dựng

các công trình đã tăng từ 1.91% đến 8.09%, trong đó công trình giao thông chịu ảnh hưởng lớn nhất với mức tăng khoảng 8.09%. Các công trình hạ tầng kỹ thuật, dân dụng và công nghiệp ghi nhận mức tăng thấp hơn, khoảng 2%. Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi ước tính nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng có thể tăng khoảng 7.5% YoY trong năm 2026, qua đó đóng góp khoảng 1.4 điểm phần trăm vào CPI chung.

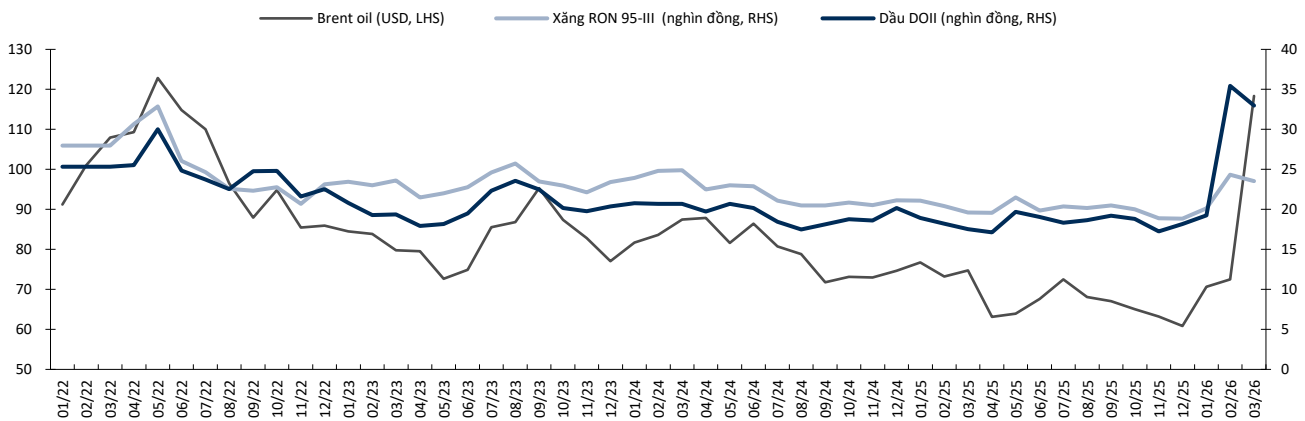
**Dự báo giá lương thực thực phẩm tương đối ổn định hoặc chỉ tăng nhẹ**

Xung đột tại Trung Đông hiện chưa tạo cú sốc trực tiếp lên dòng chảy thương mại lương thực thực phẩm trong nước, nhưng vẫn có thể gây áp lực tăng giá gạo trong các vụ mùa tới do tăng chi phí quan đến phân bón, chi phí logistic... Tuy nhiên, nhờ nguồn cung dự báo tăng mạnh từ cả thị trường trong nước và Quốc tế, chúng tôi kỳ vọng tác động tăng chi phí đầu vào sẽ được bù đắp một phần, cụ thể:

**Đối với giá gạo,** chúng tôi kỳ vọng giá gạo nội địa bình quân năm 2026 tăng nhẹ từ 2-3% YoY, kỳ vọng đà tăng giá đầu vào sẽ được kìm hãm một phần từ nguồn cung tăng. Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, tính đến 14/4/2026, giá gạo trong nước ghi nhận xu hướng đi ngang; đối với thị trường xuất khẩu, giá gạo 5% tấm xuất khẩu ghi nhận 372 - 376 USD/tấn, giảm 6% YoY, tuy nhiên tăng nhẹ khoảng 2% so với đầu năm 2026 do áp lực tăng từ chi phí logistic. Bên cạnh đó, với nguồn cung trong nước, Bộ Nông nghiệp và Môi trường dự báo sản lượng lúa năm 2026 đạt khoảng 45.6 triệu tấn (+4.7% YoY); với nguồn cung thế giới, theo FAO ngày 03/04/2026, sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2025/26 được dự báo đạt 563.3 triệu tấn, tăng 2.0% YoY và là mức cao kỷ lục.

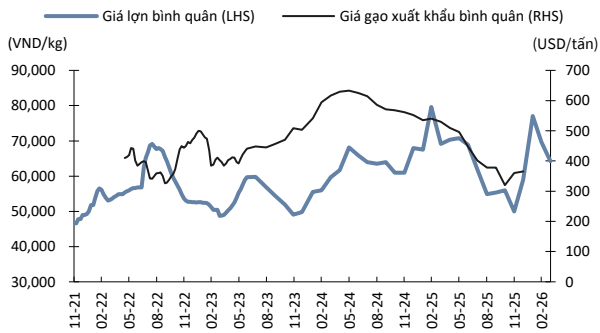
**Đối với giá lợn,** chúng tôi cho rằng giá lợn hơi trong 2Q2026 sẽ chủ yếu đi ngang hoặc chỉ tăng nhẹ trong bối cảnh nguồn cung trong nước tiếp tục phục hồi quanh mức 65,000 nghìn đồng/kg - 70,000 nghìn đồng/kg. Theo Tổng cục Thống kê, tổng đàn lợn cả nước đến cuối tháng 3/2026 tăng 2.9% so với cùng kỳ; đồng thời, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho biết quy mô đàn lợn hiện vào khoảng 31 triệu con (+3% YoY).

**Biểu đồ 23. Diễn biến giá dầu thô Brent và giá xăng dầu trong nước**



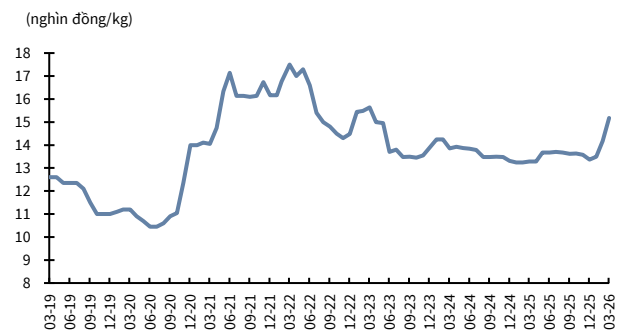
Nguồn: Bloomberg, KBSV

**Biểu đồ 24. Giá gạo tấm 5% xuất khẩu thế giới, giá lợn trong nước**



Nguồn: Bloomberg, KBSV

**Biểu đồ 25. Giá thép thanh trong nước**



Nguồn: Hiệp hội chăn nuôi Việt Nam, FiinPro, KBSV tổng hợp

**Bảng 26. Dự báo CPI - kịch bản cơ sở (Giá dầu Brent bình quân 2026 ở mức 85 - 95 USD/thùng)**

	Các nhóm hàng và dịch vụ	Quyền số (%)	+/- (% YoY)	CPI 2026(%)
1	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống			
	Lương thực	3.67	3.0	0.1
	Thực phẩm	21.28	5.0	1.1
	Ăn uống ngoài gia đình	8.61	5.0	0.4
2	Đồ uống và thuốc lá	2.73	3.0	0.1
3	May mặc, mũ nón, giày dép	5.7	1.0	0.1
4	Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD	18.82	7.5	1.4
5	Thiết bị và đồ dùng gia đình	6.74	2.0	0.1
6	Thuốc và dịch vụ y tế	5.39	1.0	0.1
7	Giao thông	9.67	11.0	1.1
8	Bưu chính viễn thông	3.14	-0.3	(0.0)
9	Giáo dục	6.17	3.2	0.2
10	Văn hóa, giải trí và du lịch	4.55	1.8	0.1
11	Khác	3.53	3.7	0.1
	<b>Tổng</b>			<b>4.8</b>

Nguồn: KBSV dự báo

**Bảng 27. Dự báo CPI - kịch bản tiêu cực (Giá dầu Brent bình quân 2026 trên ngưỡng 100 USD/thùng)**

	Các nhóm hàng và dịch vụ	Quyền số (%)	+/- (% YoY)	CPI 2026(%)
1	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống			
	Lương thực	3.67	1.5	0.1
	Thực phẩm	21.28	4.0	0.9
	Ăn uống ngoài gia đình	8.61	2.0	0.2
2	Đồ uống và thuốc lá	2.73	3.0	0.1
3	May mặc, mũ nón, giày dép	5.7	1.0	0.1
4	Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD	18.82	9.0	1.7
5	Thiết bị và đồ dùng gia đình	6.74	2.0	0.1
6	Thuốc và dịch vụ y tế	5.39	1.0	0.1
7	Giao thông	9.67	20.0	1.9
8	Bưu chính viễn thông	3.14	-0.3	(0.0)
9	Giáo dục	6.17	3.2	0.2
10	Văn hóa, giải trí và du lịch	4.55	1.0	0.0
11	Khác	3.53	3.7	0.1
	<b>Tổng</b>			<b>5.4</b>

Nguồn: KBSV dự báo

## Tỷ giá

### Tỷ giá USD/VND – Áp lực xuất hiện trở lại vào nửa sau của quý 1 do xung đột tại Trung Đông

#### Tỷ giá USD/VND chịu áp lực từ chiến tranh Mỹ - Iran

Xu hướng hạ nhiệt của tỷ giá USD/VND từ cuối năm trước tiếp tục được duy trì trong nửa đầu quý 1/2026 (tỷ giá liên ngân hàng giảm 1.6% YTD) nhờ (1) nhu cầu với VND gia tăng trước kỳ nghỉ tết Nguyên Đán, (2) dòng kiều hối chảy về nước, và (3) chỉ số DXY điều chỉnh về vùng thấp hơn (quanh vùng 96-97 điểm). Khả năng can thiệp ngoại hối từ phía Fed nhằm hỗ trợ đồng JPY và các phát ngôn của Tổng thống Donald Trump liên quan tới chính sách thuế đã khiến tâm lý nhà đầu tư chuyển sang bán tháo đồng USD.

Tuy nhiên, cục diện nhanh chóng đảo chiều khi căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông diễn ra vào cuối tháng 2, kích hoạt tâm lý phòng vệ rủi ro khiến dòng vốn tháo chạy vào các tài sản an toàn như đồng USD và trái phiếu kho bạc Mỹ, qua đó khiến chỉ số DXY bật tăng trở lại lên quanh 99-100 điểm. Đồng thời, giá dầu tăng mạnh tạo áp lực lên lạm phát Mỹ, làm giảm dư địa nới lỏng chính sách tiền tệ của Fed, theo đó áp lực lên tỷ giá USD/VND. Tính từ thời điểm cuộc xung đột nổ ra tới hết quý 1, tỷ giá USD/VND liên ngân hàng và trung tâm đã ghi nhận tăng thêm lần lượt 282 và 58 đồng.

Mặc dù vậy, nếu so với nền cao từ cuối năm 2025, tại thời điểm kết thúc quý, tỷ giá liên ngân hàng mới chỉ tăng nhẹ 0.1% YTD, ghi nhận ở mức 26,340 VND/USD, trong khi tỷ giá trung tâm ghi nhận ở mức 25,102 VND/USD (-0.1% YTD). Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã chủ động can thiệp, duy trì mặt bằng lãi suất liên ngân hàng ở mức vừa đủ cao (thông qua việc hút ròng liên tiếp qua kênh OMO trong tháng 3) và thực hiện bán ngoại tệ kỳ hạn 180 ngày có hủy ngang với tổng lượng dự trữ ngoại hối hơn 2 tỷ USD.

#### Tỷ giá chợ đen

Tỷ giá trên thị trường chợ đen cũng ghi nhận diễn biến đồng pha, với biến động có phần mạnh hơn do thị trường này nhạy cảm với các biến số vĩ mô. Tỷ giá chợ đen đã chạm ngưỡng cao nhất trong lịch sử trong hai phiên giao dịch cuối cùng của quý 1, đạt 28,080 VND/USD, tương đương mức tăng 4.7% YTD. Ngoài ra, mức chênh lệch giữa giá vàng nội địa và thế giới nới rộng lên 20–30 triệu VND/lượng đã kích thích hoạt động đầu cơ và nhập lậu vàng, trực tiếp tạo áp lực khiến tỷ giá chợ đen leo thang.

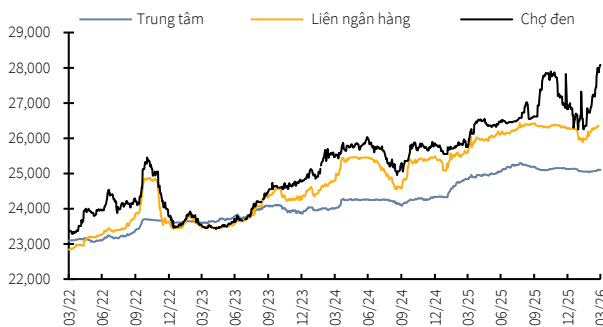
Tình trạng này kỳ vọng sẽ dần được cải thiện khi các chính sách của NHNN nhằm tăng cường kiểm soát thị trường vàng từng bước thấm thấu vào hoạt

động kinh doanh và giao dịch vàng. Ngoài Nghị định 232/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 10/10/2025) với mục tiêu xóa bỏ cơ chế độc quyền Nhà nước đối với sản xuất vàng miếng và mở rộng nhập khẩu vàng, Nghị định 340/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 09/02/2026) đã bổ sung các khung xử phạt đối nhằm siết chặt các hành vi vi phạm liên quan. Bên cạnh đó, việc thành lập sàn giao dịch vàng vẫn đang được đốc thúc để hoàn thiện hồ sơ đề xuất và dự kiến sẽ được thí điểm trong năm 2026.

### NEER và REER diễn biến cùng chiều

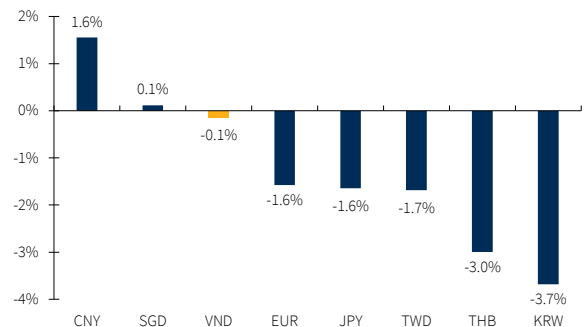
Theo mô hình tính toán của chúng tôi, NEER - tỷ giá danh nghĩa đa phương đo lường giá trị của đồng VND với rổ 8 đồng tiền tham chiếu theo cơ chế tỷ giá trung tâm và REER - tỷ giá thực đa phương là chỉ số được điều chỉnh lạm phát so với NEER). Trong quý 1/2026, NEER ghi nhận xu hướng tăng nhẹ (+1% YTD) sau đà giảm mạnh của 2025, phản ánh đồng VND bị mất giá ít hơn so với các đối tác thương mại. Sự suy yếu của các đồng tiền có đối trọng lớn như EUR, JPY, và KRW đến từ những lo ngại kinh tế thế giới phát sinh từ căng thẳng Mỹ - Iran. Đối với REER, mức tăng cao hơn (+2.5% YTD) cho thấy áp lực lạm phát nội địa đang vượt mức trung bình của các quốc gia trong rổ tham chiếu, qua đó làm giảm sức cạnh tranh hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Biểu đồ 28. Tỷ giá USD/VND



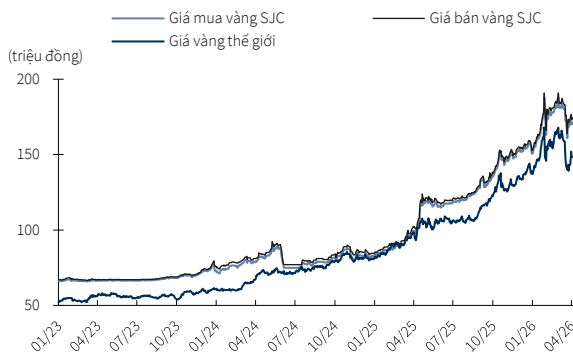
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, KBSV

Biểu đồ 29. Biến động các đồng tiền chính so với USD



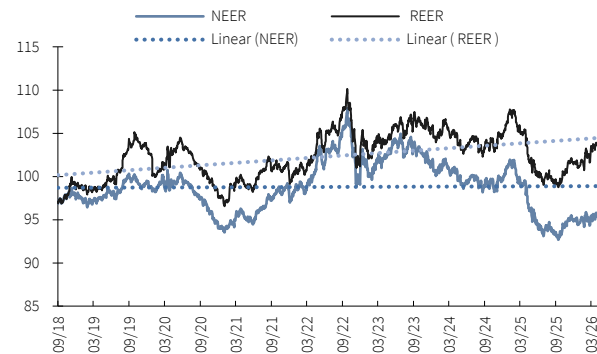
Nguồn: Bloomberg, KBSV

Biểu đồ 30. Diễn biến giá vàng thế giới và vàng SJC



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Biểu đồ 31. NEER và REER (điểm)



Nguồn: Bloomberg, KBSV tính toán

## Dự báo tỷ giá 2026

**Chỉ số DXY sẽ giảm co và giữ ở vùng cao tương đối trước khi có xu hướng giảm rõ nét hơn khi chiến tranh hạ nhiệt**

Chúng tôi cho rằng chỉ số DXY sẽ tiếp tục vận động ở vùng cao 97 – 102 điểm trong nửa đầu quý 2/2026, chủ yếu do dư địa nới lỏng chính sách của Fed đã thu hẹp đáng kể sau khi căng thẳng leo thang tại khu vực Trung Đông. Số liệu tháng 3/2026 cho thấy chỉ số CPI của Mỹ đạt mức 3.3%, tăng 90bps so với tháng trước đó, phản ánh rõ ràng mức độ ảnh hưởng mạnh mẽ của tình hình vĩ mô hiện tại. Đồng thời, vị thế của đồng USD được củng cố bởi dòng vốn tìm đến các tài sản trú ẩn trong bối cảnh chiến tranh phức tạp.

Tuy nhiên, bước sang nửa sau quý 2/2026, mặc dù có thể xuất hiện một vài nhịp hồi phục đan xen nhưng nhiều khả năng chỉ số DXY sẽ nằm trong xu hướng giảm chủ đạo nhờ (1) kịch bản hạ nhiệt của chiến tranh và giá dầu có xu hướng giảm dần; và (2) kỳ vọng thêm một lần cắt giảm lãi suất của Fed trong khi các ngân hàng trung ương lớn như ECB và BOJ có thể chuyển sang pha tăng lãi suất trong phần còn lại của năm 2026.

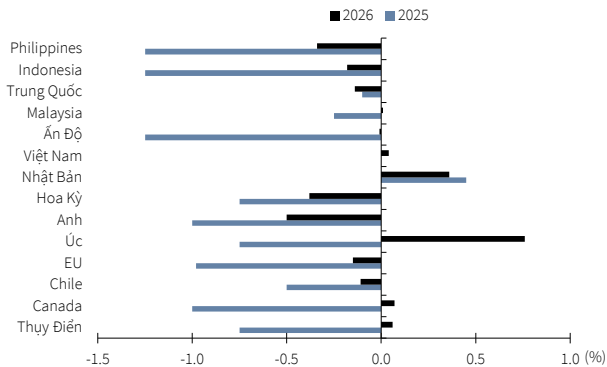
**Tỷ giá USD/VND dự báo tăng 2.5-3% trong năm 2026**

Trong năm 2026, chúng tôi dự báo tỷ giá USD/VND tăng khoảng 2.5-3%, thấp hơn mức tăng của năm 2025 (+3.5% YTD) khi tỷ giá được hỗ trợ bởi các yếu tố tích cực như:

- (1) Chỉ số DXY sẽ có xu hướng giảm vào nửa sau 2026 khi chiến tranh hạ nhiệt (dự báo phần trên).
- (2) Chênh lệch lãi suất VND-USD tiếp tục duy trì trạng thái dương, tạo ra một rào cản tự nhiên đối với hoạt động đầu cơ.
- (3) Triển vọng nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp trong kỳ đánh giá TTCK tháng 9/2026 của FTSE Russell sẽ kích hoạt dòng tiền từ các quỹ ETF và quỹ chủ động quốc tế vào thị trường Việt Nam, với quy mô vốn dự kiến dao động trong khoảng 3-9 tỷ USD.
- (4) Sự phục hồi của dòng vốn FDI nhờ làn sóng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu trước căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, đặc biệt là ngành công nghệ cao hiện nằm trong nhóm ưu tiên loại trừ áp thuế từ Mỹ.
- (5) Sự can thiệp kịp thời của NHNN thông qua điều tiết thanh khoản, bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ và các công cụ khác nhằm ổn định tỷ giá.

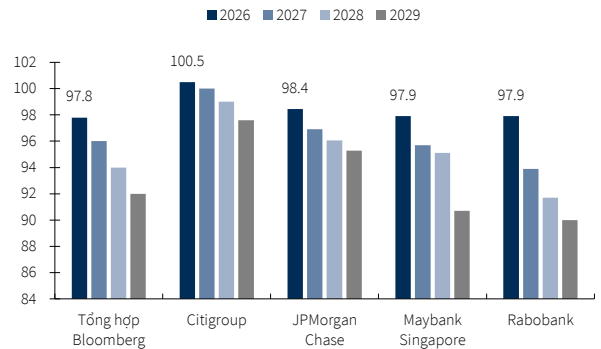
Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng vẫn tồn tại những rủi ro có thể tạo áp lực lên tỷ giá USD/VND bao gồm (1) dự báo giá vàng sẽ sớm quay lại vùng đỉnh đầu năm (khoảng 5,200 - 5,400 USD/ounce) cùng với nhu cầu nhập khẩu vàng trong nước tăng; và (2) định hướng nới lỏng cung tiền của NHNN nhằm hạ lãi suất, kích thích tăng trưởng kinh tế.

**Biểu đồ 32. Dự báo đồng thuận cắt giảm lãi suất các NHTM lớn**



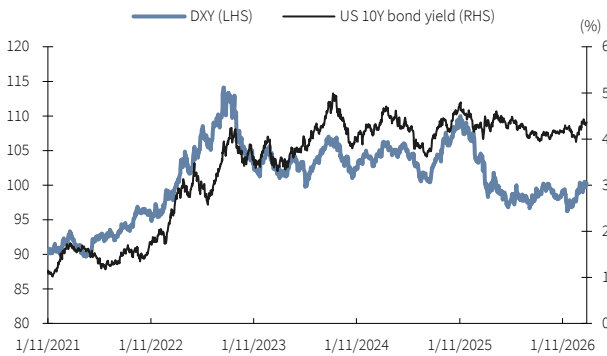
Nguồn: Bloomberg, KBSV

**Biểu đồ 33. Dự báo đồng thuận DXY**



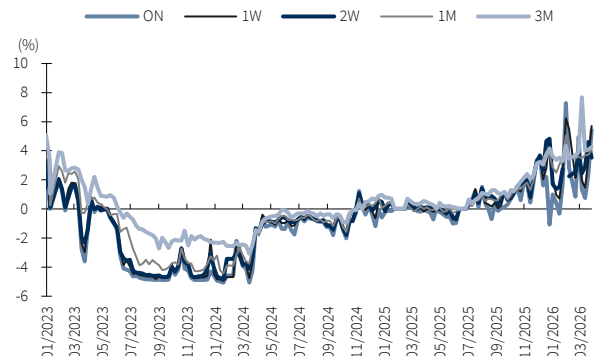
Nguồn: Bloomberg, KBSV

**Biểu đồ 34. Mỹ - 10Y bond yield & DXY**



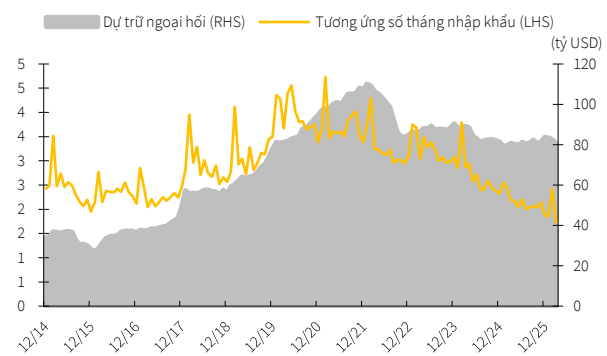
Nguồn: Bloomberg, KBSV

**Biểu đồ 35. Chênh lệch lãi suất VND-USD liên ngân hàng**



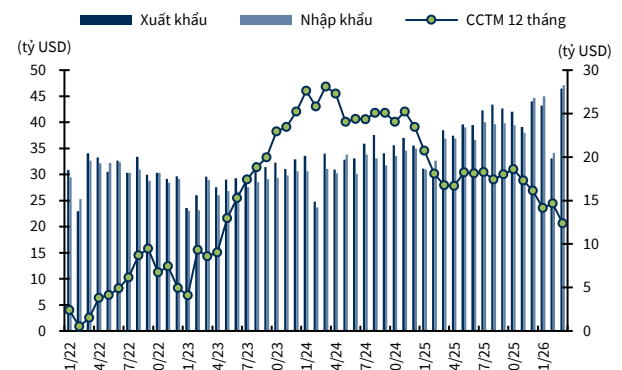
Nguồn: NHNN, KBSV

**Biểu đồ 36. Dự trữ ngoại hối**



Nguồn: Bloomberg, KBSV

**Biểu đồ 37. Cán cân thương mại Việt Nam**



Nguồn: NSO, KBSV

## Lãi suất

### Lãi suất 3 tháng đầu năm – Tiếp diễn đà tăng của quý trước

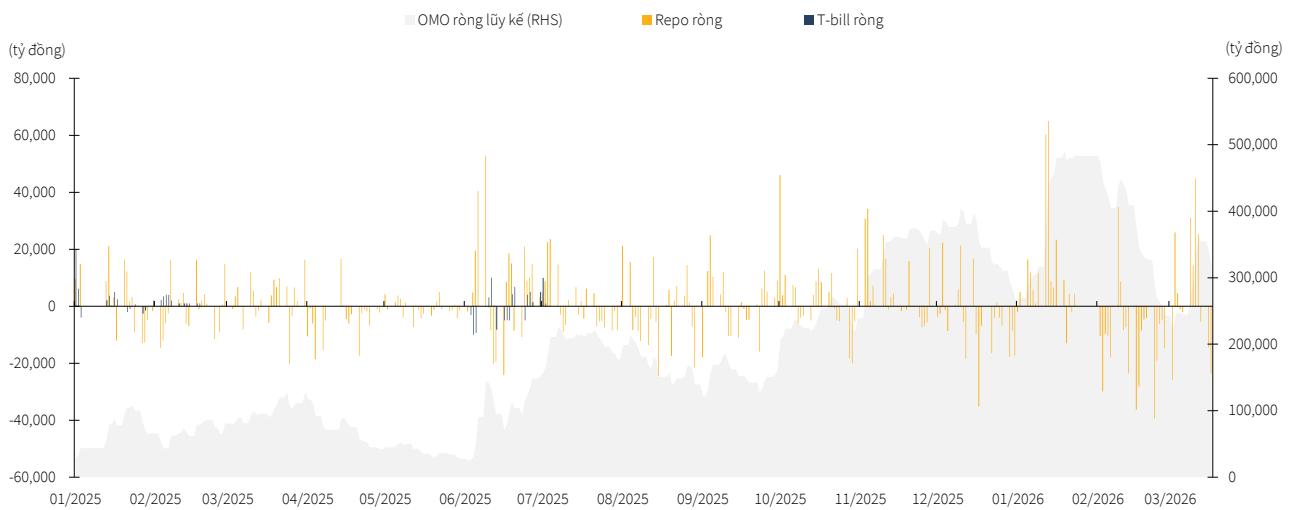
**Tình trạng thiếu hụt thanh khoản xuất hiện cục bộ ở một vài thời điểm trong 3 tháng đầu năm 2026**

Sau tình trạng thiếu hụt thanh khoản của hệ thống ngân hàng diễn ra vào cuối quý 4/2025 do tăng trưởng huy động chậm, áp lực đã có phần chững lại khi bước sang năm 2026 nhờ giải ngân đầu tư công cải thiện trong vài tuần cuối 2025, sự khởi sắc của dòng vốn ngoại từ FDI và kiều hối, cùng diễn biến hạ nhiệt của tỷ giá giúp NHNN có thêm dư địa nới lỏng cung tiền (lượng OMO lưu hành cuối tháng 1 ghi nhận có thời điểm hạ xuống mức 240 nghìn tỷ đồng).

Dù vậy, trạng thái này không duy trì lâu khi thị trường vẫn ghi nhận các căng thẳng cục bộ ở một vài thời điểm (đặc biệt là giai đoạn trước Tết âm lịch và các thời điểm đầu, cuối tháng 3, khi mà thanh khoản thiếu hụt khiến lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm tăng vọt lên trên 10%). Có hai nguyên nhân chính của hiện tượng này: (1) nhu cầu sử dụng tiền mặt ở trong lưu thông gia tăng do ảnh hưởng của các chính sách thuế; và (2) một lượng vốn lớn bị ách tắc ở ngân sách nhà nước khi giải ngân đầu tư công có dấu hiệu chậm lại. Ngoài ra, một số nguyên nhân khác như nhu cầu tiền mặt giai đoạn trước Tết của người dân tăng cao, hay các ngân hàng phải chuẩn bị thanh khoản để đáp ứng các yêu cầu tỷ lệ thời điểm cuối quý cũng tạo áp lực lên thanh khoản hệ thống.

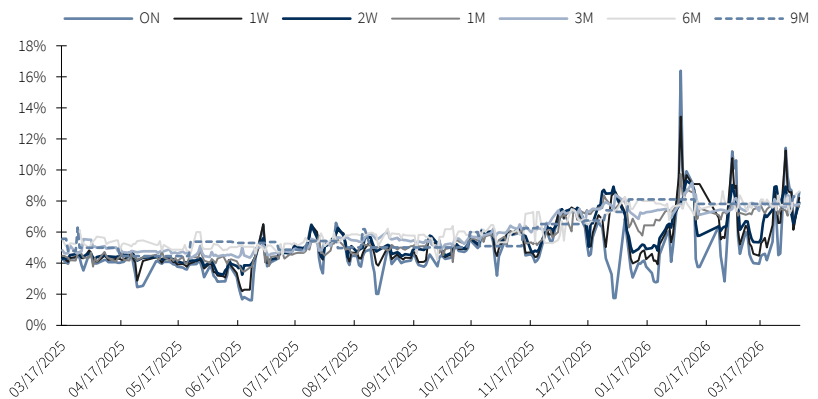
Việc bơm hút nhịp nhàng qua kênh OMO, kết hợp việc sử dụng nghiệp vụ hoán đổi ngoại tệ của NHNN đã nhanh chóng giúp mặt bằng lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt ở các giai đoạn này.

**Biểu đồ 38. Nghiệp vụ thị trường mở**



Nguồn: NHNN, KBSV

**Biểu đồ 39. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: NHNN, KBSV

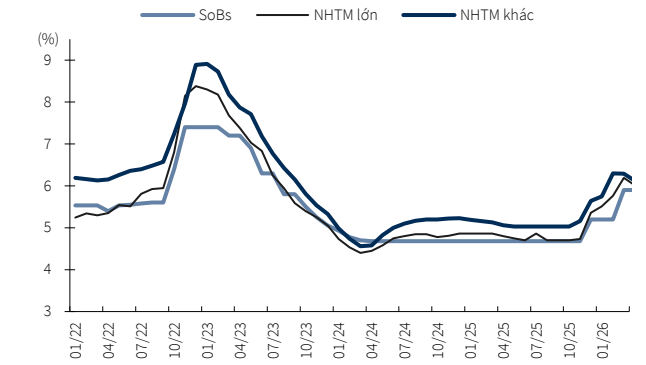
**Lãi suất huy động trên thị trường 1  
nổi tiếp đà tăng của quý 4/2025**

Bước sang quý 1/2026, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay của hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) tiếp tục giữ xu hướng tăng. Theo thống kê, mặt bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NHTM tăng 71bps so với cuối 2025, trong đó nhóm ngân hàng quốc doanh đã có một lần điều chỉnh với mức tăng 70bps và nhóm NHTM tư nhân lớn cũng ghi nhận tăng thêm khoảng 100-110bps. Tương đồng với đà tăng của lãi suất huy động, lãi suất cho vay trung và dài hạn bình quân của các NHTM tính tới hết tháng 2/2026 cũng ghi nhận tăng 40bps so với mức bình quân của tháng 12/2025, lên mức 7.1-9.4% (theo báo cáo của NHNN).

Tuy nhiên, sau cuộc họp giữa NHNN với các NHTM về việc điều hành chính sách tiền tệ diễn ra chiều ngày 09/04/2026 với mục tiêu hạ mặt bằng lãi suất nhằm khắc phục tình trạng cạnh tranh huy động vốn và giảm lãi suất cho vay thực, nhiều NHTM đã thực hiện điều chỉnh giảm lãi suất huy động. Theo đó, lãi suất tiền gửi của nhóm quốc doanh như VCB, CTG và Agribank ghi nhận giảm 50bps ở các kỳ hạn 24 tháng trở lên. Đối với nhóm NHTM tư nhân như TCB, MBB, VPB, SSB, ABB,... cũng có động thái tương tự khi giảm lãi suất tiền gửi chủ yếu ở các

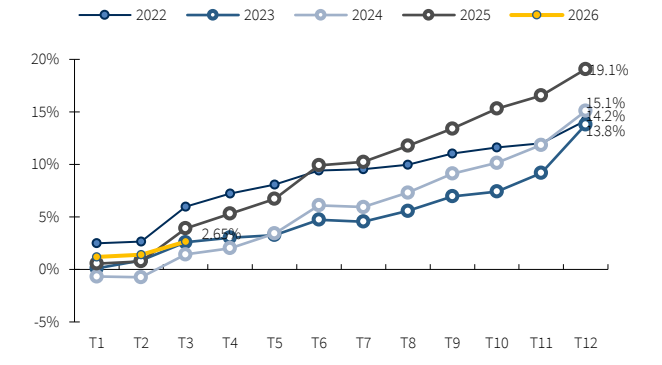
kỳ hạn trung và dài hạn, với mức giảm khoảng 30-50bps.

**Biểu đồ 40. Lãi suất huy động 12 tháng**



Nguồn: Các ngân hàng, KBSV

**Biểu đồ 41. Tăng trưởng tín dụng qua các tháng**



Nguồn: NHNN, KBSV

## Dự báo lãi suất 2026

**Lãi suất đã tạo đỉnh vào đầu quý 2, tuy nhiên dự báo sẽ chỉ giảm rõ nét hơn vào nửa sau 2026**

Sau cuộc họp ngày 09/04/2026, mặt bằng lãi suất trong quý 2 nhiều khả năng sẽ ghi nhận mức giảm nhẹ từ nền cao sau cam kết đồng thuận giảm 0.5-1%/năm lãi suất huy động của các NHTM. Cùng với việc Chính phủ phát đi tín hiệu sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản hệ thống (thông qua kênh OMO, hoán đổi ngoại tệ, và cho vay tái cấp vốn) lãi suất được kỳ vọng đã tạo đỉnh vào đầu quý 2 và sẽ có xu hướng hạ nhiệt rõ nét hơn trong nửa sau 2026.

Trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng xu hướng giảm lãi suất vẫn chưa rõ rệt khi các vấn đề về căng thẳng thanh khoản dự báo sẽ tiếp diễn trong quý 2. Nguyên nhân chủ yếu đến từ:

- (1) Xu hướng tăng trưởng tín dụng cao vượt trội so với tăng trưởng huy động sẽ chưa đảo chiều trong ngắn/trung hạn và tiếp tục gây áp lực lên thanh khoản trong quý 2 (số liệu cho thấy đến hết quý 1/2026, tăng trưởng tín dụng và huy động lần lượt đạt 2.15% và 0.44%; xét về giá trị tuyệt đối, tính tới hết tháng 9/2025, mức chênh lệch đã chạm mốc 1.5 triệu tỷ đồng). Bên cạnh đó, tỷ lệ LDR thuần của các NHTM vẫn ở mức cao và tỷ lệ LDR theo thông tư 22 đã gần chạm mức trần 85%.
- (2) Tâm lý nắm giữ và giao dịch tiền mặt trước các thay đổi về chính sách thuế tiếp tục khiến việc huy động của các ngân hàng vẫn sẽ còn khó khăn trong quý 2. Ngoài ra, giải ngân đầu tư công khó có đột phá trong quý này cũng sẽ khiến kho bạc tiếp tục bội thu ngân sách. Cả hai yếu tố này đều khiến thu hẹp dòng tiền quay trở lại hệ thống ngân hàng.
- (3) Diễn biến phức tạp tại khu vực Trung Đông tạo áp lực kép lên lạm phát và tỷ giá khiến NHNN chưa có nhiều dư địa trong việc hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống.

Tuy nhiên, trong 2H2026, chúng tôi kỳ vọng xu hướng hạ nhiệt lãi suất sẽ rõ

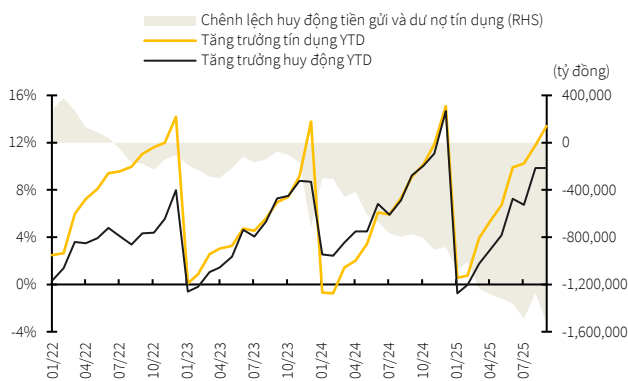
ràng hơn, với mức giảm bình quân khoảng 0.5-1%/năm so với thời điểm hiện tại nhờ: (1) nguồn vốn dồi dào từ dòng vốn đầu tư công giải ngân mạnh mẽ chạy vào hệ thống ngân hàng; (2) tình hình xung đột tại Iran hạ nhiệt, giải tỏa áp lực lạm phát, tỷ giá, qua đó giúp NHNN có dư địa hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng; và (3) nhiều chính sách mới sẽ được đưa ra vào nửa cuối năm từ Chính phủ và NHNN để nỗ lực đạt mục tiêu tăng trưởng GDP 10%, trong đó bao gồm hạ nhiệt mặt bằng lãi suất.

**Lãi suất cho vay dự kiến có biến động đồng pha với lãi suất huy động**

Sau cuộc họp với tân Thống đốc NHNN, lãi suất cho vay mới chỉ ghi nhận giảm 50-100bps ở một vài NHTM như Agribank, NAB và SSB. Tuy nhiên, việc giảm này chủ yếu mang tính tạm thời và chưa phản ánh sự điều chỉnh đồng loạt trên toàn hệ thống.

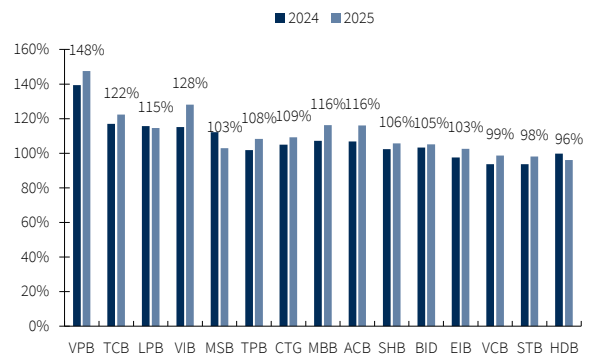
Về xu hướng chung, chúng tôi cho rằng lãi suất cho vay dự kiến đi ngang ở mức hiện tại trong quý 2 chủ yếu do lãi suất đầu vào vẫn neo cao, trong khi NIM các ngân hàng hiện đang ở mức thấp so với các năm trước và rủi ro nợ xấu gia tăng là hiện hữu. Bước sang nửa sau của năm 2026, mặt bằng lãi suất cho vay sẽ có xu hướng hạ nhiệt rõ nét hơn, tương đồng mức giảm ở mặt bằng lãi suất huy động nhằm hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đáng chú ý, xu hướng giảm trong giai đoạn này nhiều khả năng vẫn mang tính chọn lọc, ưu tiên tập trung vào các lĩnh vực động lực như xuất khẩu và sản xuất công nghiệp.

**Biểu đồ 42. Chênh lệch tăng trưởng tín dụng và huy động**



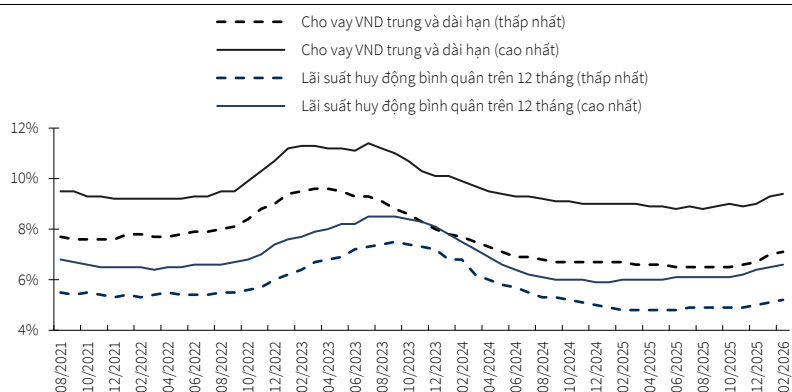
Nguồn: NHNN, KBSV

**Biểu đồ 43. Tỷ lệ LDR các NHTM**



Nguồn: Các ngân hàng, KBSV

**Biểu đồ 44. Lãi suất huy động và cho vay bình quân trung và dài hạn**



Nguồn: NHNN, KBSV

**CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)**

---

**Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 16&amp;17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

**Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: Tầng 1&amp;2, Tòa nhà Văn phòng, số 5 Điện Biên Phủ, Phường Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

**Chi nhánh Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Vietinbank, số 93 - 95 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

**Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

**LIÊN HỆ**

Hotline: 1900 1711

Email: info@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

**Hệ thống khuyến nghị**

---

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu****(Dựa trên kỳ vọng tăng giá trong 6 tháng tới)**

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành****(Dựa trên đánh giá triển vọng trong 6 tháng tới)**

Tích cực:	Trung lập:	Tiêu cực:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin, dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Khách hàng nên độc lập cân nhắc hoàn cảnh, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.